TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 3 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1350/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số 329 Quốc lộ 22, tổ 1, ấp G, xã T, huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Thúy K, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 329 Quốc lộ 22, tổ 1, ấp G, xã T, huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 21/10/2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Nguyễn Thành C trình bày:

Ông và Bà Trần Thị Thúy K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 07/7/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống tại ấp G, xã T, huyện C. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà K không chăm lo cho gia đình và xem thường chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Nay ông xác định không thể tiếp tục chung sống với bà K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà K.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông C trình bày không có.

- Tại phiên tòa ông C trình bày: Ông yêu cầu được ly hôn với bà K; về con chung không có; về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có.

Bà K đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà K vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 21/10/2020, Ông Nguyễn Thành C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho ông ly hôn với Bà Trần Thị Thúy K hiện đang cư trú tại: Số 329 Quốc lộ 22, tổ 1, ấp G, xã T, huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà K đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà K vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà K theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Thành C và Bà Trần Thị Thúy K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 07/7/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của ông C thì sau khi kết hôn giữa ông và bà K đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống. Bà K không chăm lo gia đình, xem thường chồng, không bàn bạc với chồng, khi nói ra thì gây gổ dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà K.

Bà K đã được Tòa triệu tập nhưng bà không đến Tòa, đồng thời cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ bà không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C và bà K đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho ông C được ly hôn với bà K theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông C trình bày không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông C trình bày không có.

Bà K vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu bà K có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc Ông Nguyễn Thành C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thành C:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Ông Nguyễn Thành C được ly hôn với Bà Trần Thị Thúy K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 125 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 07/7/2017 cho Ông Nguyễn Thành C và Bà Trần Thị Thúy K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Nếu bà K có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng Ông Nguyễn Thành C phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0085142 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo